UBND TỈNH KON TUM **HỘI ĐỒNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /TB-HĐĐGQSDĐ	*Kon Tum, ngày 01 tháng 03 năm 2018*

THÔNG BÁO

V/v bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum (đợt 01 năm 2018)

Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất tỉnh Kon Tum, thông báo bán đấu giá quyền sử dụng đất các lô, thửa đất tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum, gồm các nội dung sau:

1. Tổng số lô, thửa đất đưa ra đấu giá: 56 lô, thửa, tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Trong đó:

- Đất ở: 52 thửa.
- Đất dịch vụ thương mại: 4 lô.

2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

2.1. Thời gian: Từ 7 giờ 30 phút ngày 01/03/2018 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 18/03/2018.

2.2. Địa điểm: Tại thực địa Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum (tổ 01, phường Lê Lợi).

3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ:

3.1. Thời gian: Bắt đầu từ 7 giờ 30 phút ngày 01/03/2018 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 18/03/2018.

3.2. Địa điểm:

+ Tại Khách Sạn Đăk Bla, TP. Kon Tum: Số 02 đường Phan Đình Phùng, TP.Kon Tum.

+ Tại Văn phòng Sở Tài chính tỉnh Kon Tum: Số 92 đường Phan Chu Trinh, TP. Kon Tum.

+ Tại Phòng Tài nguyên & Môi trường các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum.

4. Giá khởi điểm của các lô, thửa đất, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

(Có Phụ lục chi tiết cho từng lô, thửa đất kèm theo).

5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

5.1. Thời gian: Bắt đầu từ 7 giờ 30 phút ngày 01/03/2018 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 18/03/2018.

5.2. Địa điểm:

+ Tại Khách Sạn Đăk Bla, TP. Kon Tum: Số 02 đường Phan Đình Phùng, TP.Kon Tum.

+ Tại Văn phòng Sở Tài chính tỉnh Kon Tum: Số 92 đường Phan Chu Trinh, TP. Kon Tum.

+ Tại Phòng Tài nguyên & Môi trường các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum.

5.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

a. Có tờ khai tham gia đấu giá theo mẫu do Hội đồng đấu giá phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá, các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá với số lượng lô, thửa đất không hạn chế.

b. Điều kiện về vốn và kỹ thuật hoặc khả năng tài chính.

- Đối với tổ chức phải có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Đối với hộ gia đình, cá nhân phải có đủ điều kiện về khả năng tài chính để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật. Trường hợp đấu giá đất đã chia lô, thửa làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân tham gia đấu giá không cần điều kiện này.

c. Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá trên 01 thửa đất đưa ra đấu giá *(hộ gia đình được thể hiện theo Sổ hộ khẩu)*; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có hai doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá 01 thửa đất.

d. Điều kiện để tổ chức, doanh nghiệp, được tham-gia đấu giá QSD đất ở *(để kinh doanh bất động sản)*. Tổ chức, doanh nghiệp được phép tham gia đấu giá quyền sử dụng đất (đất ở) để kinh doanh phải có giấy phép đăng ký kinh doanh bất động sản "*Theo quy định tại Điều 10, Luật Kinh doanh bất động sản về điều kiện của tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản*".

đ. Người tham gia đấu giá phải nộp đủ phí tham gia đấu giá *(phí hồ sơ tham gia đấu giá)* và tiền đặt trước (đặt cọc). Phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước được nộp cho Hội đồng bán đấu giá.

e. Chỉ tổ chức đấu giá khi có từ 02 hồ sơ khách hàng đăng ký trở lên đủ điều kiện tham gia đấu giá/01 thửa đất, lô đất.

- Việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

6. Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá:

6.1 Địa điểm: Tại Khách sạn Đăk Bla thành phố Kon Tum: Số 02 đường Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum.

6.2. Thời gian tổ chức đấu giá (dự kiến): **Vào lúc 7h giờ 30 phút, ngày 22/03/2018(thứ năm).**

7. Hình thức đấu giá:

Đấu giá bằng bỏ phiếu kín (bỏ vào thùng phiếu) trực tiếp tại cuộc đấu giá và không giới hạn vòng trả giá.

8. Hình thức thông báo công khai:

- Tại trang thông tin điện tử của: UBND tỉnh Kon Tum và các Sở, Ban ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố.
- Tại Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum: Số 54 đường Đặng Tiến Đông, TP Kon Tum.
- Tại Khách Sạn Đăk Bla, TP Kon Tum: Số 02 đường Phan Đình Phùng, TP Kon Tum.
- Tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, TP Kon Tum.

Mọi tổ chức và cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá liên hệ tại Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum (Số 02 đường Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum), điện thoại số 0603.916.467 để được hướng dẫn chi tiết./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- VP UBND tỉnh-Cổng thông tin điện tử (đăng tải);
- Báo Kon Tum (thông báo);
- Đài PT-TH Kon Tum (thông báo);
- Trang TTĐGĐT về TSNN Bộ Tài chính (đăng tải);
- Các thành viên HĐĐGQSĐĐ (phối hợp);
- UBND các huyện, thành phố (thông báo);
- UBND phường Lê Lợi (thông báo);
- Công an thành phố Kon Tum (phối hợp);
- Sở TN & MT (đăng tải);
- Lưu VT HĐ.

TM. HỘI ĐỒNG ĐẤU GIÁ QSDĐ TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH KON TUM

GIÁM ĐỐC SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Phạm Đức Hạnh

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN CÁC LÔ ĐẤT ĐƯA RA ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM CẦU ĐĂK BLA, THÀNH PHỐ KON TUM (Đợt 1 năm 2018)

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐĐGQSDĐ ngày 01/03/2018 của Hội đồng ĐGQSD đất Khu đô thị phía Nam cầu Đăk BLa, thành phố Kon Tum)

Stt	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Kích thước thửa đất	Mặt cắt đường	Mặt đường (m)	Vỉa hè (m)	Lô góc	Hướng	Đơn giá (đ/m2)	Giá khởi điểm (đ/thửa)	Phí đấu giá (đ/thửa)	Tiền đặt trước (đ/thửa)	Bước giá tối thiểu bắt buộc (đồng)
I	**Đất ở**		**15.916**											
A	**Đất ở nhà biệt thự lô phố**		**4.691**											
4		***BT4***	***287***											
		14	287	11; 27; 3,5; 7,9; 24,5	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	797.837.040	500.000	40.000.000	8.000.000
6		***BT6***	***324***											
		3	324	12 X 27	mc(5-5)	6	3 x 2		Đông-Nam	2.779.920	900.694.080	500.000	46.000.000	10.000.000
7		***BT7***	***1.693***											
		1	405	13,9; 9,9; 13,6; 20,9; 20,6	mc(3-3)	10	6 x 2	Lô góc	Đông-Bắc và Tây-Bắc	3.744.030	1.516.332.150	500.000	76.000.000	16.000.000
		11	426	13,6; 9,9; 14,9; 20,6; 21,9	mc(5-5)	6	3 x 2	Lô góc	Tây-Nam và Đông-Nam	3.057.600	1.302.537.600	500.000	66.000.000	14.000.000
		15	218	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	606.022.560	500.000	31.000.000	7.000.000
		17	218	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	606.022.560	500.000	31.000.000	7.000.000
		20	426	13,6; 9,9; 14,9; 20,6; 21,9	mc(5-5)	6	3 x 2	Lô góc	Tây-Nam và Tây-Bắc	3.057.600	1.302.537.600	500.000	66.000.000	14.000.000
8		***BT8***	***1.902***											
		9	403	14,9; 9,9; 12,6; 21,9; 19,6	mc(5-5)	6	3 x 2	Lô góc	Tây-Nam và Đông-Nam	3.057.600	1.232.212.800	500.000	62.000.000	13.000.000

		10	219	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	608.802.480	500.000	31.000.000	7.000.000
		11	219	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	608.802.480	500.000	31.000.000	7.000.000
		14	219	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	608.802.480	500.000	31.000.000	7.000.000
		15	219	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	608.802.480	500.000	31.000.000	7.000.000
		16	218	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	606.022.560	500.000	31.000.000	7.000.000
		17	405	12,6; 9,9; 14,9; 19,6; 21,9	mc(5-5)	6	3 x 2	Lô góc	Tây-Nam và Tây-Bắc	3.057.600	1.238.328.000	500.000	62.000.000	13.000.000
9		***BT9***	***485***											
		10	219	10 X 21,9	mc(10-10)	7	3 x 2		Tây-Nam	2.779.920	608.802.480	500.000	31.000.000	7.000.000
		15	266	6,3; 9,9; 14,9; 13,3; 21,9	mc(5-5)	6	3 x 2	Lô góc	Tây-Nam và Tây-Bắc	3.057.600	813.321.600	500.000	41.000.000	9.000.000
8		***BT10***	***4.152***											
		1	258,8	24,5;16,2;13,0 11,5;2,7	mc(3-3)	10	6 x 2	Lô góc	Bắc	3.744.030	968.954.964	500.000	49.000.000	10.000.000
		2	249,5	13,6;20,4;14,1;16,2	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	933.259.740	500.000	47.000.000	10.000.000
		3	256,2	11,6;23,6;12,1;20,4	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	958.321.224	500.000	48.000.000	10.000.000
		4	264,6	10,6;26,0;11,1; 23,6	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	989.741.592	500.000	50.000.000	10.000.000
		5	281,6	14,5;27,0;6,9; 26,0	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.556.560	1.001.527.296	500.000	51.000.000	11.000.000
		6	275	10,0;27,8;10,0; 27,0	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	1.028.643.000	500.000	52.000.000	11.000.000
		7	251,8	9,0;281,;9,0;27,8	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	941.862.936	500.000	48.000.000	10.000.000
		9	252,9	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	945.977.508	500.000	48.000.000	10.000.000

		10	253,1	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	946.725.612	500.000	48.000.000	10.000.000
		11	253,7	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	948.969.924	500.000	48.000.000	10.000.000
		12	253,1	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	946.725.612	500.000	48.000.000	10.000.000
		13	253,1	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	946.725.612	500.000	48.000.000	10.000.000
		14	253,2	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	947.099.664	500.000	48.000.000	10.000.000
		15	253,1	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	946.725.612	500.000	48.000.000	10.000.000
		16	253,1	9,0;28,1;9,0;28,1	mc(3-3)	10	6 x 2		Bắc	3.740.520	946.725.612	500.000	48.000.000	10.000.000
		17	288,9	11,1;28,1;4,1 9,9;21,1	mc(3-3)	10	6 x 2	Lô góc	Bắc	4.115.060	1.188.840.834	500.000	60.000.000	12.000.000
B	**Đất ở nhà biệt thự cao cấp**		**3.525**											
3		***BTCC3***	***3.525***											
		6	421	8,5; 9,9; 21,8; 15,5; 28,8	mc(2-2)	14	6 x 2	Lô góc	Đông và Nam	4.350.070	1.831.379.470	500.000	92.000.000	19.000.000
		7	574	13,7; 39,5; 14,5; 44,6	mc(2-2)	14	6 x 2		Nam	3.942.140	2.262.788.360	500.000	114.000.000	23.000.000
		8	464	12,5; 39,5; 13,3; 34,8	mc(2-2)	14	6 x 2		Nam	3.954.150	1.834.725.600	500.000	92.000.000	19.000.000
		9	406	12,5; 30,2; 13,3; 34,8	mc(2-2)	14	6 x 2		Nam	3.954.150	1.605.384.900	500.000	81.000.000	17.000.000
		11	396	24,1; 9,9; 6,5; 31,1; 13,5	mc(2-2)	14	6 x 2	Lô góc	Tây và Nam	4.350.070	1.722.627.720	500.000	87.000.000	18.000.000
		15	416	14 X 29,7	mc(6-6)	4	3 x 2		Tây và Bắc	2.665.950	1.109.035.200	500.000	56.000.000	12.000.000
		16	416	14 X 29,7	mc(6-6)	4	3 x 2		Tây và Bắc	2.665.950	1.109.035.200	500.000	56.000.000	12.000.000
		17	432	14,5 X 29,7	mc(6-6)	4	3 x 2		Tây và Bắc	2.665.950	1.151.690.400	500.000	58.000.000	12.000.000
D	**Đất ở nhà ghép hộ**		**7.700**											

4		***GH4***	***7.700***											
		5	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		6	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		7	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		8	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		9	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		10	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		11	275	8 X 34,4	mc(9-9)	13	3 x 2		Tây-Bắc	3.096.660	851.581.500	500.000	43.000.000	9.000.000
		17	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		18	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		19	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		20	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		21	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		22	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		23	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		24	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		25	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		26	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		27	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000

		31	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		32	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		33	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		34	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		35	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		36	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		37	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		38	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		39	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
		40	275	8 X 34,4	mc(5-5)	6	3 x 2		Tây-Bắc	2.779.920	764.478.000	500.000	39.000.000	8.000.000
II	**Đất dịch vụ, thương mại**		**18.687**											
1	***Dịch vụ ăn uống, giải khát***	***C2***	***2.380***	29,8; 49,7; 77,7; 29,2; 5,6; 23,3; 115,1; 6				***Đất nằm giữa các lô***		1.500.000	3.570.000.000	1.000.000	179.000.000	36.000.000
2	***Siêu thị***	***C9***	***4.740***	39; 9,9; 50,1; 48,3; 52; 31,4;31,8; 10,5	mc(4-4)	27,7	6 x 2			2.862.000	13.565.880.000	1.000.000	679.000.000	136.000.000
3	***Dịch vụ nhà hàng, ăn uống, vui chơi, giải trí***	***C16***	***6.435***	63,1; 95,9; 9,9; 42,3; 53,1	mc(1-1)	20	5 x 2			2.584.000	16.628.040.000	3.000.000	832.000.000	167.000.000
		C17	***5.132***	54,8; 95,8; 55; 91,5	mc(1-1)	20	5 x 2			2.584.000	13.261.088.000	3.000.000	664.000.000	133.000.000
Tổng cộng			**34.603**								**111.219.491.042**			

Ghi chú:

1. **Thời hạn sử dụng đất:**

a. Đất ở: Sử dụng lâu dài

b. Đất dịch vụ thương mại: Sử dụng 50 năm

2. **Chỉ tiêu sử dụng đất: Tầng cao(tối thiểu-tối đa)- mật độ xây dựng (tối đa) -hệ số sử dụng đất**

a. Đất ở biệt thự lô phố: 2-3 tầng - 70% - 2,1 lần.

b. Đất ở biệt thự cao cấp: 2-4 tầng - 60% - 2,4 lần.

c. Đất ở ghép hộ: 3-3 tầng - 80% - 2,4 lần

d. Đất dịch vụ thương mại:

d1. Đất Cửa hàng dịch vụ thương mại: 1-3 tầng - 60% - 1,8 lần

d2. Đất Dịch vụ ăn uống, giải khát: 1-2 tầng - 30% - 0,6 lần

d4. Đất Dịch vụ nhà hàng, ăn uống, vui chơi, giải trí:2-4tầng-45% -1,8 lần

d5. Đất dịch vụ Khách sạn, thương mại: 5-9 tầng - 45% - 4,05 lần

(Khoảng lùi xây dựng thực hiện theo quy định)